

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 11

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
LỚP MẦM 2
NĂM HỌC: 2024 – 2025

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	HÌNH THỨC THỰC HIỆN		
		Sinh hoạt	Giờ học	Chủ đề
-Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Trẻ an đầy đủ các chất dinh dưỡng. Có chế độ dinh dưỡng hợp lí, đáp ứng với nhu cầu phát triển của trẻ.	X		
- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. - Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế:	- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp Hô hấp: Hít vào, thở ra (“Gà gáy”, “Thổi bóng bay”, “Thổi nơ bay”, “Tiếng còi tàu tu-tu, “Ngửi hoa”). Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	X		
- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	+ Đi kiễng gót liên tục 3m. + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Đi trong đường hẹp.	X	X	
- Trẻ kiểm soát được vận động	+ Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	X	X	

	+ Đi, chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài..	X	X
- Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động	+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	X	X
	+ Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).	X	X
- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	+ Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.		X
	+ Ném xa bằng 1 tay.	X	X
	+ Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).		X
	+ Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.	X	X
	+Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	X	X
	Bò, trườn, trèo:		X
	+ Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc.	X	X
	+ Bò chui qua cổng.	X	X
	+ Trườn về phía trước.		X
	+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).	X	X
	- Bật - nhảy:		X
	+ Bật tại chỗ.	X	
	+ Bật về phía trước.	X	X
- Trẻ có kỹ năng và biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động, phối hợp tay-mắt.	+ Bật xa 20 - 25 cm.	X	X
	- Xoay tròn cổ tay	X	
	- Gập, đan ngón tay vào nhau.	X	
	- Xâu hạt, kéo khóa, vo, miết, vặn, véo, gấn, nôi, thắt, buộc dây, xé dán, lắp ráp .	X	
	- Xé, dán giấy	X	
	- Biết dùng bàn chải, kéo và bút.	X	
	- Tô vẽ nguệch ngoạc	X	
	- Vẽ được hình tròn theo mẫu.	X	
	- Đan tết	X	
	- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.	X	
	- Tự cài-cởi cúc Xếp đặt (cách, khít cạnh nhau).	X	
- Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối	- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.	X	

với sức khỏe.	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: thịt, cá, trứng, sữa, rau...	X		
	- Biết cách chế biến các loại thức uống đơn giản như: pha nước chanh, pha sữa.	X		
	- Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau, cơm, canh, mận, xào, chiên.	X		
	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày: sáng, trưa, tối.	X		
	- Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	X		
	- Tập uống sữa hàng ngày, biết cần phải uống đủ nước.	X		
	- Tập ăn rau và trái cây	X		
Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	X		
	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.	X		
	- Tập rửa tay bằng xà phòng.	X		
	- Tháo tất, cởi quần, áo.	X		
	- Không thay quần áo trước mặt người khác giới.	X		
	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	X		
	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	X		
	- Tập sử dụng dụng cụ, thiết bị vệ sinh (bàn chải, xà phòng, vòi nước, bồn cầu, khăn giấy...). ,...	X		
	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	X		
- Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.	- Tập nhai, tập xúc ăn	X		
	- Uống nước đã được đun sôi.	X		
	- Tập ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau, uống sữa thường xuyên, uống nước sau khi ăn.	X		
	- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	X		
	- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt	X		
	- Nhận biết trang phục theo thời tiết.	X		
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm mệt; sốt, ho, đau họng,	X		

- Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm, một số hành động nguy hiểm.	buồn ói, nhức đầu, đau bụng, đau răng Vệ sinh môi trường: vứt rác vào thùng rác, không nhổ bậy. Tập rửa đồ chơi . - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Ăn, ngủ, vệ sinh, phòng bệnh, vận động: không ăn uống hàng rong, thức ăn ôi thiu, uống nước đã đun sôi	X		
	- Nhận ra và tránh xa các vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở như: dao, kéo, ổ điện, bếp nóng, quạt đang quay, bình nước sôi...	X		
	- Biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở như: bếp, cống rãnh, ao, lu nước, chỗ xe cộ ra vào, đường trơn, thang máy.	X		
	- Biết cách dùng đồ dùng, đồ chơi an toàn: không bỏ hạt, hột nhỏ vào mũi, bung ghế nhẹ nhàng, cẩn thận.	X		
	- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	X		
	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt ..., không xô đẩy, chen lấn khi lên xuống cầu thang, đánh, cắn bạn	X		
	- Không tự lấy thuốc uống.	X		
	- Không leo trèo bàn ghế, lan can.	X		
	- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	X		
	- Biết cách dùng đồ dùng, đồ chơi an toàn: không bỏ hạt, hột nhỏ vào mũi, bung ghế nhẹ nhàng, cẩn thận.	X		
	- Không nghịch vật sắc nhọn.	X		
	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	X		

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHÂN THỨC:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	HÌNH THỨC THỰC HIỆN		
		Sinh hoạt	Giờ học	Chủ đề
- Trẻ ham hiểu biết, quan tâm, hứng thú, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	X		
	- Sử dụng các giác quan để: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra	X	X	

- Trẻ nhận biết được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. -Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.	đặc điểm nổi bật của đối tượng			
	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống (Con vật ăn rau, lá cây, sống làm tổ trên cây....)	X	X	
	- Yêu thương thú nuôi, nghe và nhận ra âm thanh khi nó vui, mừng rỡ, buồn, sợ hãi.	X		
	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, gió và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	X	X	X
	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày: mặt trời, đèn, nến.	X	X	X
	-Phân biệt ngày - đêm => Sự khác biệt trong sinh hoạt của người, con vật, cây cối.	X	X	X
	- Phân biệt rau, cây, hoa, quả ,	X	X	X
	- So sánh 2 con vật, cây, hoa, quả...		X	
	- Nhận biết đèn giao thông, ý nghĩa của các tín hiệu đèn xanh, đỏ, vàng.		X	X
	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.	X	X	X
- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Ích lợi của nước với đời sống con người và cây cối, con vật: uống, tắm, gội đầu, vệ sinh, tưới cây, giặt đồ.	X	X	
	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng, hiểu đối tượng. (Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi, nước có thể hoà tan muối, đường...); sự đổi màu của nước (Nước không có màu.)	X	X	
	-Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng	X		
	- Nhận biết con vật quen thuộc, đặc biệt thú nuôi với một vài đặc điểm nổi bật (chân, tai, cánh...), thức ăn, vận động (bay, bơi, nhảy, chạy, bò).	X	X	X
	- Bắt chước tiếng kêu của con vật. Bắt chước vận động giống con vật.	X	X	
- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo. -Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.				

- Trẻ nhận biết số lượng và đếm	- Phân biệt nước sạch-dơ.	X	X	
	- Nhận biết một vài chất liệu: gỗ, giấy, nhựa, kim loại.		X	
	- Cảm nhận bề mặt nhẵn, gồ ghề, thô ráp.	X		
	-Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo			
	-Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến, đếm vệt theo khả năng.	X	X	
	-Nhận biết 1 và nhiều	X	X	
	-So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	X	X	
	-Gộp hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 và đếm.	X	X	
	-Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ.	X	X	
	- Nhận biết các đồ vật có đôi: giày, dép, vợ, đũa....	X	X	
- Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi tương ứng cặp có mối liên quan.	X	X	
- Trẻ biết so sánh hai đối tượng.	- Xếp xen kẽ.	X	X	
	- So sánh 2 đối tượng về chiều cao, chiều dài, to nhỏ. Nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau ..	X	X	
- Trẻ nhận biết về hình dạng.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế (đồ dùng, đồ chơi,...)	X	X	
-Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.	- Sử dụng các hình để ghép thành hình mới.	X	X	
	- Nhận biết phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau; tay phải - tay trái của bản thân.	X	X	
	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	X		
	- Nhận biết, gọi tên các buổi: sáng, trưa, chiều, tối trong ngày.	X	X	

- Trẻ nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. - Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương - Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.	- Nói được tên, tên thân mật ở nhà, tuổi, giới tính khi được hỏi, trò chuyện	X		
	- Phân biệt trai – gái		X	X
	- Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Một số hoạt động ở trường	X	X	
	- Nói được tên của bố mẹ và từng thành viên trong gia đình - quan hệ với bé thế nào (mẹ, ba, anh, chị, ông, bà).	X	X	
	- Bé có những hành động quan tâm, giúp đỡ (VD: bưng nước, lấy đồ cho cha mẹ, xếp đồ chơi để mẹ không phải dọn....	X		
	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện; xem ảnh về gia đình	X		
	- Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Một số hoạt động ở trường.	X		
	- Công việc của bé, công việc của cô. Bé làm gì để giảm nhẹ công việc cho cô..	X		
	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương (nghề GV, bác sĩ) khi được hỏi, xem tranh.	X	X	
	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	X	X	
	- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	X	X	X

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	HÌNH THỨC THỰC HIỆN		
		Sinh hoạt	Giờ học	Chủ đề
- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.	- Văn hóa nghe: lắng nghe người khác nói, nghe để hiểu rõ thông tin (yêu cầu, chỉ bảo ..) - Các âm thanh, ngữ điệu, giọng nói khác nhau. - Cảm nhận ngữ điệu khác nhau và ý nghĩa của nó (biểu lộ tình cảm, mức độ quan trọng của thông điệp).	X		
		X		
		X		

	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp lứa tuổi - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. , - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản (Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”). - Hiểu nghĩa các từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả. - Hiểu các từ chỉ người tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc, tính chất (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ)	- X - X - X - X - X - X	X	
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).	-Tập nói tròn câu. -Phát âm rõ các tiếng của Tiếng Việt - Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ..., -Biết thể hiện cảm xúc, ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp khi nói (gật, lắc, cười, vẫy tay...) -Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- X - X - X - X - X		
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.	- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, cấm đi, ...) -Trả lời và đặt câu hỏi: Ai? Cái gì? ở đâu? Làm gì? Giống gì, khác gì? Khi nào?... -Văn hóa nói, giao tiếp: biết sử dụng các từ lễ phép trong giao tiếp (ạ, thưa, biết xưng hô...), biết nói đủ nghe, chờ tới lượt, không nói lí nhí.	- X - X - X - X		
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.	- Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- X - X - X - X	- X - X - X	

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.	- Biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. • Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. • Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	X X X	X X X	
Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.	- Biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe. Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau., - Biết giữ gìn sách, lấy-cắt đúng nơi qui định. - Tiếp xúc với chữ , sách truyện. - Làm quen cách đọc và viết tiếng Việt - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Cầm sách đúng chiều và làm quen với cách đọc sách. - Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc. - Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	X X X X X X X X		

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	HÌNH THỨC THỰC HIỆN		
		Sinh hoạt	Giờ học	Chủ đề
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật - Trẻ thể hiện một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc	- Văn hóa thưởng thức nghệ thuật: giữ im lặng, vỗ tay tán thưởng.	X		
	- Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư ... theo bài hát, bản nhạc.	X		
	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	X		
	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	X		
	- Mong muốn tạo ra cái đẹp: xếp đồ gọn gàng, mặc trang phục, chải tóc gọn gàng	X		
	- Nghe các bài hát bản nhạc: thiếu nhi, dân ca, không lời			
	- Nghe và phân biệt âm thanh đa dạng trong thiên nhiên, cuộc sống (gió, mưa, xe cộ, đóng mở cửa ... VD: kết hợp chuyện kể)	X		
	- Hát tự nhiên, hát được tr theo giai điệu bài hát quen thuộc		X	
	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa, múa),.	X	X	
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	X	X	
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình: Các thể loại vẽ, nặn, xé dán, xếp hình....: - Theo mẫu - Tự do (trí tưởng tượng)	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình đa dạng: bút chì, sáp, màu nước, nguyên liệu khác (thiên nhiên ...)	X	X	
	- Tiếp tục dạy trẻ cách cầm bút đúng.	X	X	
	- Sử dụng ngón tay, bàn tay vẽ, in	X	X	
	- Chọn màu cho hình, nền.	X		
	- Tô màu hình: tập tô bên trong hình, điều chỉnh không ra ngoài, kín hình (xoay tròn, di bút chì màu),	X		
	- Chơi với đất nặn : nhào đất, ngắt miếng đất từ cục to thành những viên đất nhỏ, gộp lại, lăn dài, kéo dài, vo tròn, bóp, miết,	X	X	

- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệ thuật.	ấn, ấn bẹt, bẻ uốn cong, gấn , - Xé: xé tự nhiên từ mảnh to thành nhỏ, xé vụn, xé dải dọc, vò giấy, bóp giấy trong nắm tay..., - Dán: phết hồ vào mặt trái hình, dán hình có sẵn, dán vào vị trí định sẵn, dán thêm trên hình nền, biết miết hình., - Tập bố cục (trái-phải, trên-dưới), kích thước cân đối - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý - Vẽ các nét: thẳng dọc, xiên , ngang , nét cong khép kín để tạo thành bức tranh đơn giản - Lăn dọc, xoay tròn, bóp, ấn dẹt, bẻ uốn cong để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. , - Xếp hình: xếp kê, xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. - Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	X	X	
		X	X	
		X		
			X	
		X	X	
		X	X	
		X	X	
		X		

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG- XÃ HỘI:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	HÌNH THỨC THỰC HIỆN		
		Sinh hoạt	Giờ học	Chủ đề
- Trẻ có ý thức về bản thân. - Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực và độc lập.	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	X	X	
	- Nói được những điều bé thích, không thích.	X	X	
	- Có ý thức bảo vệ các bộ phận trên cơ thể	X	X	
	-Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	X		
	-Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	X		
	+ Tự vào bàn ăn và chỗ ngủ. Tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn	X		

	vào xô theo từng loại nhẹ nhàng	X		
	+ Tự cất đồ dùng cá nhân: giở xách, giày dép, ly đúng nơi qui định	X		
	+ Xúc ăn, dọn dẹp đồ chơi, rửa tay, lau mặt, đi dép, cởi mặc quần áo, đội mũ với sự giúp đỡ của cô.	X		
- Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	X	X	
	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.	X	X	
	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	X		X
	- Thích nghe kể chuyện , nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	X		
	- Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	X	X	X
	- Nhận biết lá cờ VN, tô đúng màu cờ. Vui tươi, hồn nhiên: trong sinh hoạt, giao tiếp, trình diễn.	X	X	X
- Trẻ biết được những hành vi và qui tắc ứng xử xã hội.	- Thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	X		
	- Trẻ biết chú ý khi nghe cô và bạn nói.	X		
	- Chờ đến lượt.	X	X	
	- Chơi hòa thuận phối hợp hoạt động với bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	X		
	- Chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	X		
	- Cầm, nhận đồ bằng 2 tay từ người lớn.	X		
	- Nhận biết hành vi “đúng- sai”, “tốt- xấu”	X	X	
	- Yêu mến ba, mẹ, anh, chị , em ruột,	X		
	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây cối, con vật.	X		
- Bé biết quan tâm đến môi trường.	- Bỏ rác đúng nơi qui định ,	X	X	
	- Bảo vệ và chăm sóc con vật, cây cối.	X		
	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	X		
	- Tiết kiệm điện, nước	X		

--	--	--	--	--

Giáo viên

Nguyễn Ngọc Huyền Trân Nguyễn Hoàng Yên